

Đề bài

Em hãy kể lại một
truyền thuyết đã học
trong chương trình
Ngữ văn 6 – tập 1
bằng lời văn của em.

Bài làm 1: Truyền thuyết “Con Rồng – Cháu Tiên”

Thuở xưa, trên đất Lạc Việt còn hoang dã, có đủ các loài yêu quái lộng hành. Từ Mộc Tinh, Hồ Tinh và Ngư Tinh tha hồ quanh năm quấy nhiễu. Do đó dân lành khó có thể làm văn sinh sống. Thấy vậy, Lạc Long Quân, một vị thần thuộc nòi rồng con trai của Thần Long nữ, đã đem hết sức mạnh vô địch và tài phép ra giúp dân diệt trừ yêu quái. Ngoài ra, Thần còn dạy dân cách trồng lúa nước, cách thuần hóa các loài thú dữ, cách ăn ở, sinh hoạt sao cho phải đạo. Thuộc nòi rồng nên thần thường sống với mẹ ở dưới thủy cung, chỉ khi nào cần thần mới lên bờ.

Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ là con cháu Thần Nông, thuộc dòng Tiên xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc Việt có nhiều hoa thơm cỏ lạ, phong cảnh hữu tình, nàng bèn tìm đến thăm. Ở đây, Âu Cơ gặp Lạc Long Quân, họ đem lòng yêu nhau và trở thành vợ chồng, cùng chung sống ở cung điện Long Trang, trên cạn.

Ít lâu sau, Âu Cơ có mang. Đến kì sinh nở, chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng, trăm trứng nở ra trăm người con, hồng hào đẹp đẽ, lạ thường. Đàn con không bú mớm mà cứ lớn nhanh như thổi, mặt mũi khôi ngô, mạnh khỏe như thần.

Thế rồi một hôm, Lạc Long Quân vốn quen sống dưới nước, cảm thấy không thể sống mãi trên cạn được, đành từ giả Âu Cơ và đàn con trở về thủy cung. Âu Cơ ở lại một mình chăm lo cho đàn con và chờ chồng. Tháng ngày chờ mong, buồn tủi, cuối cùng nàng gọi Lạc Long Quân lên và bảo:

– Sao chàng bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi các con?

Lạc Long Quân ân cần giải thích:

– Ta vốn nòi rồng ở vùng nước thẳm, nàng vốn dòng tiên ở chốn non cao. Kẻ dưới nước người trên cạn, tính tình tập quán khác nhau, khó lòng mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được. Nay ta dần năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương. Kẻ miền núi, người miền biển khi có việc khó khăn thì giúp đỡ nhau, đừng quên lời hẹn.

Âu Cơ và trăm con nghe theo, rồi chia tay lên đường.

Âu Cơ đưa năm mươi con lên đất Phong Châu. Người con trưởng được tôn làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang đóng đô ở Phong Châu (vùng Vĩnh Yên, Phú Thọ ngày nay). Triều đình có quan văn, quan võ (Lạc hầu, Lạc tướng). Con trai vua gọi là Lang, con gái vua gọi là Mị Nương. Vua cha chết, con trai trưởng sẽ nối ngôi. Mười mấy đời vua kế tiếp đều lấy hiệu là Hùng Vương.

Từ sự tích này mà dân tộc Việt Nam ta thường nhắc đến nguồn gốc cao quý của mình là “Con Rồng cháu Tiên”. Tất cả các dân tộc sống trên đất nước Việt đều là anh em cùng chung một bọc sinh ra, “đồng bào”. Các dân tộc đoàn kết thương yêu nhau trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Bài làm 2: Truyền thuyết “Bánh chưng, bánh giầy”

Ngày xưa ngày xưa, vào đời Hùng Vương thứ sáu, nhà vua cũng đã khá già muốn truyền ngôi lại cho con nhưng vua có những hai mươi người con, biết chọn người nào để nối ngôi cho xứng đáng, nhà vua rất phân vân về việc này. Lúc bấy giờ, giặc ngoại xâm đã dẹp xong nhưng đời sống của nhân dân vẫn còn nghèo khó. Nhà vua hiểu rằng dân có ấm no thì ngại vàng mới vững nên có ý chọn người thật xứng đáng, có đủ tài đức, chăm lo cho muôn dân để nối nghiệp. Nhân dịp tết sắp đến vua bèn gọi các con lại và phán rằng:

– Tổ tiên ta từ khi dựng nước đến nay đã truyền được sáu đời. Nhiều lần giặc Ân quấy nhiễu, nhờ phúc ủa tổ tiên mà chúng ta cũng đã dẹp được nhân dân được sống trong cảnh thái bình thịnh trị, nhưng nay ta đã già rồi, không thể sống mãi ở đời, người nối ngôi ta phải nối được chí ta, không nhất thiết phải là con trưởng. Năm nay nhân lễ Tiên Vương, ai làm vừa ý ta, ta sẽ nhường ngôi cho, có tiên Đế chứng giám.

Ý vua cha như thế nào thì không ai đoán được, nhưng ai cũng muốn ngôi báu thuộc về mình. Các Lang thi nhau sai gia nhân lên rừng xuống biển tìm kiếm của ngon vật lạ về dâng vua cha. Riêng Lang Liêu, là con thứ mười tám, tuy là dòng dõi Hùng Vương nhưng lại phải sống cuộc đời của một nông phu nghèo khó. So với các anh em, nhà chàng chẳng có gì đáng giá. Quanh quần chỉ lúa và khoai, những thứ tầm thường. Lang Liêu buồn và lo lắng!

Một hôm, chàng trần trọc mãi đến sáng mới thiếp đi. Chợt chàng nằm mộng thấy một vị thần hiện ra và bảo rằng:

– Trong trời đất, không có gì quý bằng hạt gạo, chỉ có gạo mới nuôi sống con người và ăn không bao giờ chán. Các thứ khác tuy ngon nhưng hiếm, mà người không làm ra được. Còn lúa gạo thì mình trồng lấy, trồng nhiều được nhiều. Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương.

Tỉnh dậy, Lang Liêu mừng thầm. Càng suy nghĩ, chàng càng thấy lời thần mách bảo là đúng. Vốn thông minh chàng chọn thứ gạo nếp trắng tinh, thơm lừng đem vo sạch rồi lấy đậu xanh, thịt heo làm nhân, dùng lá dong trong vườn gói thành hình vuông, nấu một ngày một đêm cho chín. Cũng gạo nếp ấy, đậu xanh ấy, chàng đồ lên, giã nhuyễn rồi nặn thành hình tròn.

Ngày lễ Tiên Vương, các lang mang sơn hào hải vị, nem công chả phượng đến. Các của ngon vật lạ, chẳng thiếu thứ gì. Lang Liêu cũng đội tới một mâm bánh. Hùng Vương xem qua một lượt rồi dừng lại trước mâm bánh của Lang Liêu, ngắm nghía có vẻ hài lòng. Vua cho gọi chàng tới hỏi. Lang Liêu thật thà kể lại giấc mộng gặp thần cho vua nghe. Vua nghe xong ngắm nghía hồi lâu rồi ra lệnh chọn hai thứ bánh ấy đem tế trời đất và Tiên Vương.

Tế xong, nhà vua truyền đem bánh ra ăn thử cùng các quần thần. Ai cũng tấm tắc khen ngon. Nhà vua giải thích cho mọi người hiểu ý nghĩa của hai thứ bánh này:

“Bánh hình tròn tượng trưng cho trời, ta đặt tên là bánh giầy. Bánh hình vuông tượng trưng cho đất, các thứ thịt mỡ, đậu xanh, lá dong tượng trưng cho cảm thú, cây cỏ muôn loài, ta gọi là bánh chưng. Lá bọc ngoài, mỡ vị để trong là ngụ ý đùm bọc lẫn nhau. Lang Liêu đã dâng lễ vật hợp với ý ta. Lang Liêu sẽ nối ngôi ta, xin Tiên Vương chứng giám”.

Lang Liêu quả là một vị vua anh minh, nhân đức. Dưới triều đại của chàng, muôn dân no ấm và sống trong cảnh thanh bình.

Từ đây về sau, nước ta có tục ngày tết làm bánh chưng, bánh giầy để cúng trời đất, tổ tiên. Nếu thiếu hai thứ bánh này là thiếu hẳn hương vị tết cổ truyền của dân tộc.

Bài làm 3: Truyền thuyết “Thánh Gióng”

Chuyện xưa kể lại rằng, vào thời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh ngày nay, có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và nổi tiếng là nhân hậu phúc đức. Nhưng họ buồn vì tuổi đã cao mà chưa có được mụn con cho vui cửa vui nhà.

Một hôm, bà vợ ra đồng, bỗng thấy một vết chân to lạ thường, tò mò bà đặt chân mình vàoướm thử. Không ngờ bà thụ thai và mười hai tháng sau bà sinh ra được một cậu con trai bụ bẫm, khôi ngô. Hai vợ chồng mừng lắm, thầm cảm ơn trời phật đã ban phúc cho gia đình họ. Nhưng buồn thay! Đứa bé đã lên ba mà vẫn không biết đi, không biết nói, không biết cười, cứ đặt đâu nằm đấy.

Lúc bấy giờ, giặc Ân lăm le xâm lược nước ta. Thế giặc mạnh, nhà vua lo sợ bèn sai sứ giả đi khắp nơi tìm người tài giỏi ra giúp nước. Nghe tiếng rao của sứ giả, cậu bé đang nằm ngửa trên chiếc võng tre bèn cất tiếng nói:

– Mẹ ra mời sứ giả vào đây cho con!

Bà mẹ ngạc nhiên vui mừng khôn xiết. Sứ giả vào, cậu bé bảo:

– Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt, một bộ giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này.

Sứ giả vô cùng kinh ngạc và mừng rỡ vội về tâu vua. Nhà vua ra lệnh triệu tập những thợ rèn giỏi nhất trong cả nước, ngày đêm làm gấp những thứ chú bé dặn.

Điều kì lạ nào là sau khi gặp sứ giả, cậu bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Cha mẹ cậu làm việc quần quật cũng không đủ gạo để nuôi con. Thấy vậy, xóm làng vui lòng góp gạo nuôi cậu bé. Ai cũng mong cậu giết giặc cứu nước.

Giặc Ân đã tràn tới núi Trâu, thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó sứ giả mang giáp sắt, roi sắt và ngựa sắt tới. Cậu bé bỗng vùng dậy, vươn vai một cái biến thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt. Tráng sĩ mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt, cưỡi lên mình ngựa sắt. Chàng thúc móng vào ngựa, ngựa hí vang phun lửa và phi ra chiến trường. Với chiếc roi sắt trong

tay, tráng sĩ vùng lên, quật toi bời vào quân giặc. Bỗng roi sắt gãy, tráng sĩ bèn nhổ những bụi tre bên đường đánh tiếp. Giặc hoảng loạn giẫm đạp lên nhau mà chạy, chết như ngã rạ.

Đuổi giặc đến chân núi Sóc, tráng sĩ phi ngựa lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại rồi một mình một ngựa bay lên trời. Giặc tan, muôn dân được sống yên bình. Nhà vua ghi nhớ công lao của tráng sĩ phong cho tước hiệu Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ. Từ đấy về sau, hàng năm cứ đến tháng tư âm lịch là làng mở hội Gióng. Dân chúng khắp nơi nô nức kéo đến trải hội và tưởng niệm tri ân người anh hùng cứu nước. Dấu ấn trận đánh ác liệt năm xưa còn lại để trong màu vàng óng của những bụi tre đằng ngà, tục truyền là bị cháy do ngựa sắt phun lửa. Những dãy ao hồ liên tiếp chính là vết chân ngựa thoe nào và tương truyền rằng, khi ngựa thét ra lửa đã thiêu rụi một làng, đó là làng Cháy.

Bài làm 4: Truyền thuyết “Sơn Tinh, Thủy Tinh”

Chuyện xưa kể lại rằng, Hùng Vương thứ mười tám, có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu, vua cha rất mực yêu thương, chiều chuộng. Khi Mị Nương đến tuổi lấy chồng, Hùng Vương có ý kiến cho con gái một người chồng thật là xứng đáng.

Tin Hùng Vương muốn kén rể hiền lan truyền khắp trong thiên hạ. Một hôm, có hai chàng trai đến cầu hôn. Chàng thứ nhất người vùng núi Tản Viên, vẻ mặt khôi ngô tuấn tú, sức khỏe phi thường. Đó là Sơn Tinh. Sơn Tinh có tài lạ, vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên những dãy núi đồi. Chàng thứ hai sống ở miền biển, tên gọi Thủy Tinh. Thủy Tinh có tài hô mưa gọi gió. Cả hai đều xứng đáng là rể vua Hùng. Điều đó làm cho nhà vua phân vân và khó xử vì không biết chọn ai, từ chối ai.

Sau khi bàn bạc và hỏi ý kiến các Lạc hầu, Lạc tướng, Hùng Vương bèn phán rằng:

“Hai người đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một cô con gái. Thôi thì ngày mai, ai đem sính lễ đến trước, ta sẽ cho cưới Mị Nương. Sính lễ bao gồm: một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi”.

Hôm sau, Sơn Tinh mang đầy đủ lễ vật đến từ khi mặt trời chưa mọc. Hùng Vương vui lòng gả con gái cho chàng. Sơn Tinh rước Mị Nương về núi Tản Viên. Hai người thật xứng lứa vừa đôi. Thủy Tinh đến trễ không cưới được Mị Nương đùng đùng nổi giận đuổi theo cướp Mị Nương. Thủy Tinh làm mưa to gió lớn, sấm chớp đùng đùng, dâng nước sông lên cuộn cuộn ngập đồi ngập núi để đánh Sơn Tinh.

Với bản lĩnh cao cường, Sơn Tinh không hề nao núng. Chàng dùng phép lạ và tài năng của mình nâng cao núi đồi. Nước dâng lên đến đâu núi đồi cao lên đến đó. Suốt mấy tháng ròng, cuộc chiến xảy ra rất ác liệt. Quân lính của

Sơn Tinh từ trên cao lao cây, lao đá xuống sông tiêu diệt quân của Thủy Tinh. Cuối cùng, Thủy Tinh thua trận đành rút chạy.

Từ đó trở đi, năm nào cũng vậy, cứ vào khoảng tháng bảy, tháng tám là Thủy Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh hùng trả thù và cướp lại Mị Nương. Nhưng chưa bao giờ Thủy Tinh thắng nổi Sơn Tinh. Cho đến nay, vợ chồng Sơn Tinh – Mị Nương vẫn sống vui vẻ, hạnh phúc bên nhau trên đỉnh núi Tản Viên hùng vĩ.

Bài làm 5: Truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm”

Vào thế kỷ XV, dưới ách đô hộ của giặc Minh nhân dân ta phải chịu bao nhiêu điều cơ cực. Mọi người căm giận quân xâm lược tới tận xương tủy. Nghĩa quân Lam Sơn buổi đầu nổi dậy lực lượng còn yếu. Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần đẹp giặc.

Một đêm nọ, ở Thanh Hóa có người dân chài tên là Lê Thận đi đánh cá. Sau hai lần quăng chài, Thận đều kéo được một thanh sắt. Lần thứ ba cũng vậy, xem kỹ, Thận mới biết đó là lưỡi gươm. Thận bèn đem về nhà.

Sau đó, Thận gia nhập nghĩa quân Lam Sơn. Một lần, Lê Lợi vào tham nhà Thận, đột nhiên lưỡi gươm lóe sáng. Lê Lợi cầm xem thấy hai chữ *Thuận Thiên*, nhưng không biết đó là gươm quý.

Một lần bị giặc đuổi, lúc chạy qua khu rừng, Lê Lợi nhìn thấy ánh sáng lạ phát ra trên ngọn cây cao. Ông trèo lên thì phát hiện đó là một chiếc chuôi gươm nạm ngọc. Lê Lợi giắt vào thắt lưng và giữ gìn cẩn thận. Ba ngày sau, Lê Lợi kể cho mọi người nghe chuyện này, Lê Thận mang lưỡi gươm của mình ra tra vào chuôi gươm thì vừa như in. Mừng rỡ, Lê Thận dâng thanh gươm quý cho chủ tướng Lê Lợi.

Từ ngày có gươm thần, khí thế nghĩa quân tăng lên rất mạnh, xông xáo tung hoành tìm giặc, đánh đâu thắng đó. Quân Minh bạt vía kinh hồn phải rút chạy. Đất nước ta sạch bóng quân xâm lược.

Một năm sau ngày chiến thắng, Vua Lê Lợi dạo chơi trên hồ Tả Vọng trước kinh thành. Bỗng thấy một con Rùa Vàng rất to nhô mình lên khỏi làn nước xanh. Thuyền đi chậm lại. Tự nhiên nhà vua thấy thanh gươm đeo bên mình động đậy. Rùa Vàng nổi hẳn lên mặt nước và nói: “Xin bệ hạ hoàn lại gươm cho Long Quân”. Vua rút gươm quăng về phía Rùa Vàng. Rùa đón lấy và lặn nhanh xuống nước. Một vệt sáng vẫn còn le lói dưới hồ sâu.

Từ đó, hồ Tả Vọng được gọi là Hồ Gươm hay Hồ Hoàn Kiếm.